

## LÒNG NHÂN TỪ CỦA THIÊN CHÚA

Theo Suy niệm của Henri J.M. Nouwen, Donald P. McNeill, và Douglas A. Morrison [1]

Lòng nhân từ được coi là giá trị cao cả của nhân phẩm. Vì vậy, ai bị cho là kẻ bất nhân, người ấy cảm thấy bị mất danh dự. Nếu lòng nhân từ quan trọng đến thế, tại sao thế giới vẫn đầy dẫy bạo động, tàn ác. Phải chăng mỗi người mang một ý nghĩa khác nhau về lòng nhân từ. Vấn nạn này khiến chúng ta phải truy xét lại căn tính của lòng nhân từ.

Theo Công giáo, "nhân từ", biểu thị qua tiếng Latinh "paticum", có nghĩa là "cùng đau khổ với". Lòng nhân từ không phải là "lối xử sự hoà nhã" hay "trạng thái mềm lòng". Lòng nhân từ thúc đẩy chúng ta đến tận nơi để chia sẻ sự đổ vỡ, khóc với người bất hạnh, sợ hãi với kẻ hoang mang, lo buồn với kẻ thất vọng... Tuy nhiên, quan niệm này không phải ai cũng muốn chấp nhận. Tiêu biểu là triết gia Worsthorne, ông cho rằng lối sống nhân từ như vậy sẽ tạo ra một xã hội què quặt, yếm thế. Theo ông, con người không nên chạy theo những kẻ thất bại. Trái lại, con người phải xa lánh những kẻ thất bại để sống trong phát triển tự do và tiến hoá. [2]

Nhận định của Worsthorne có vẻ như vô tình, nhưng trên thực tế đa số chúng ta đã sống như vậy. Chúng ta muốn sống trong một thế giới mà cạnh tranh là động lực tạo sinh để tiến hoá. Lòng nhân từ rút cuộc chỉ là công tác tẩy xoá những lỗi lầm của thế chiến tòn vong. Chúng ta đối xử hoà nhã với người đau khổ, là những kẻ bị tổn thương trong cuộc đụng chạm, nhưng không muốn đứng chung với họ. Chúng ta cảm thương anh thợ đào than bị nạn sụp hầm, nhưng chúng ta vẫn đòi công nhân tiếp tục đào mỏ, vì chúng ta cần than. Chúng ta cảm thương kẻ đau khổ nhưng lại thiết lập đủ mọi phương cách để tránh xa hoàn cảnh đau khổ như họ. Chúng ta không muốn hy sinh tự do cho lòng nhân từ. Câu hỏi hiện sinh là: để cải thiện tình trạng này chúng ta phải làm sao? Đức Giêsu trả lời: "Hãy nhân từ như Cha các người là Đấng nhân từ" (Lc 6,36). Đức Giêsu không chỉ nói suông, Người chính là biểu trưng về lòng nhân từ của Thiên Chúa vô hình. Vậy muốn thấu hiểu một cách triệt để đạo lý nhân từ, chúng ta chỉ cần chiêm niệm lòng nhân từ của Đức Giêsu.

Thiên Chúa ở cùng chúng ta

Thiên Chúa có lòng nhân từ vì trước hết Người chọn vị thế là Thiên-Chúa-ở-cùng-chúng-ta. Thánh Mátthêu loan báo tin mừng rằng Thiên Chúa sẽ trở thành một người phàm và được gọi là Emmanuel (Mt 1,22-23). Ngay khi chúng ta gọi Thiên Chúa là Emmanuel, chúng ta bước vào một mối tình thân mật với Người. Chúng ta âu yếm gọi Emmanuel là Chúa Chiên Lành, Đấng phù hộ, Đấng yêu thương. Thiên Chúa không đứng bên ngoài mà

đoái nhìn đến chúng ta. Người đến để nâng đỡ kẻ u mê, người đói khát, kẻ đui mù, người phong hủi, và tất cả những ai đau khổ đến với Người. Thiên Chúa đến không phải để huỷ bỏ mọi bế tắc, chỉ lối thoát thân, hay đáp ứng cho mọi vấn đề của cuộc sống. Điểm chính của Thiên-Chúa-ở-cùng-chúng-ta là mối tình chia sẻ mọi khốn khó để nâng đỡ chúng ta.

Nhưng khi nói đến Đức Giêsu cứu kẻ khốn cùng, chúng ta thường bị mờ mắt bởi những phép lạ Người làm, vì vậy chúng ta đã nhìn lệch chiều. Tâm điểm của những phép lạ không phải là sự kiện người bệnh được khỏi, nhưng là sự động lòng của Thiên Chúa. Tin Mừng tường thuật rằng mỗi khi gặp kẻ khốn cùng, Đức Giêsu "động lòng". Chúng ta cũng biết bệnh có thể được chữa mà không cần phải động lòng. Đức Giêsu cũng không cần làm phép lạ để chứng tỏ Người là Thiên Chúa. Huyền nhiệm của Thiên Chúa là sự động lòng. Trong trung tâm hiện hữu của Đức Giêsu có sự động lòng. Vì Thiên Chúa là Thiên Chúa của sự sống, nên nhờ Thiên Chúa động lòng mà sự sống luôn luôn được tái tạo.

Chữ động lòng của tiếng Việt thật kỳ diệu, lột tả đúng ý của chữ *Hylap splangchnizomai* mà Công giáo đã dùng. Nó có nghĩa là mối cảm xúc trong cung lòng của Giavê. Đức Giêsu cảm động tận đáy lòng trước nỗi đau khổ của nạn nhân. Người động lòng khi thấy kẻ bại liệt, kẻ điếc, kẻ mù (x. Mt 14,14); khi thấy bà goá phụ chôn con (Lc 7,13); khi thấy dân chúng đi theo Người mà bị mệt và đói (x. Mc 8,2); khi chứng kiến dân chúng lạc lõng như đàn chiên bị bỏ rơi (x. Mt 9,36). Đức Giêsu vốn không có đau khổ nhưng đã tự đến nhận đau khổ, chấp nhận bị bỏ rơi, chịu đói khát vì động lòng thương con người. Người đến với cuộc đời tan vỡ của chúng ta không phải để chữa lành nhưng để chúc lành. Người đến với Tin Mừng để chúng ta hoán chuyển đổ vỡ thành hy vọng.

Nhìn lại chính mình, cuộc sống của chúng ta thường chìm đắm trong cạnh tranh dưới mọi hình thức, nên thiếu lòng nhân từ. Hiện hữu của chúng ta được nhận diện qua những gì so sánh với tha nhân. Tất cả những thuộc tính như thông minh, lanh lợi, khoẻ mạnh, tài ba, chức vị... có giá trị hay không đều lệ thuộc vào sự so sánh với người khác. Câu hỏi "Tôi là ai?" sẽ là "Tôi là kẻ khác với người ta đến cỡ nào?" Chúng ta tiêu hao quá nhiều năng lực vào những cuộc lượng giá, so đo ấy. Nỗ lực này dẫn đến hậu quả là khi càng hãnh diện với những gì ta hơn người, ta càng xa cách người. Ta không muốn kết hợp với người thất bại và ganh tị với người hơn ta. Chả trách khi kêu gọi nhân từ, lòng chúng ta dấy lên một phản ứng khước từ, tuy thầm kín nhưng mạnh mẽ.

Lòng nhân từ của Đức Giêsu hướng dẫn chúng ta biết yêu đời trong gần gũi với người. Khi Đức Giêsu dạy chúng ta hãy nhân từ như Cha là Đấng Nhân Từ, Người muốn chúng ta không cạnh tranh nhưng nâng đỡ nhau. Bởi vì lòng nhân từ của Cha tinh tuyền, thánh thiện,

không có một chút cạnh tranh hơn thua nào với chúng ta. Hiển nhiên muốn theo lời dạy của Đức Giêsu, chúng ta phải huỷ bỏ cái tôi cũ của mình, để lãnh nhận một bản thể khác. Đó là cái tôi mới có cùng bản thể với Đức Kitô. Để rồi chúng ta sẽ có thể nói như Thánh Phaolô, "Tôi sống, nhưng không phải là tôi sống mà là Đức Kitô sống trong tôi" (Gl 2,20). Nhờ có cái tôi không cạnh tranh, Thánh Phaolô đã có thể nói với cộng đoàn Philipphê: "Có Chúa làm chứng, tôi mến anh chị em trong splangchnizomai (lòng dạ) của Đức Kitô" (Pl 1,8). Đó là mẫu nhiệm liên kết với Emmanuel.

### Thiên Chúa hầu hạ

Thiên Chúa có lòng nhân từ vì Người đến ở với chúng ta trong vị thế đầy tớ và lãnh cái chết thay cho chúng ta. Một cái chết không bình thường hay vinh quang nhưng là cái chết trên Thập giá như một kẻ tội phạm. Cho đến muôn đời, sự huyền nhiệm này vẫn khó có thể lĩnh hội trọn vẹn. Chúng ta đã được giải phóng bởi một người trở thành nô lệ. Chúng ta được khoẻ mạnh bởi một người trở nên yếu đuối. Chúng ta có hy vọng từ một người trống rỗng mọi quyền lực. Chúng ta tìm ra lãnh tụ ở một người trở thành đầy tớ. Và Thiên Chúa của chúng ta là một Thiên Chúa hầu hạ.

Đức Giêsu trở thành đầy tớ, như một nô lệ, vì Người muốn gần với những ai sống trong cảnh bất lực trước những thế lực bạo hành. Ngày xưa, thế lực bạo hành thu gọn trong tay một số người. Ngày nay, chúng ẩn giấu trong những màn nhện bí ẩn, tinh vi hơn. Chúng có dạng chiến tranh, đói khát, bạo hành, cướp bóc, hà hiếp, bất công... Cho dù trong thời nào, con người vẫn sống trong sợ hãi vì nguy cơ bị huỷ hoại có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Con người vẫn mang thân phận nô lệ. Tâm trạng này khiến con người mong có Đấng ở trời cao đến giải thoát khỏi ách nô lệ cho mình. Nhưng Thiên Chúa tôn trọng tự do của con người. Nhân loại có quyền tự định đoạt số mệnh lịch sử của mình. Đức Giêsu không kéo chúng ta ra khỏi lịch sử nhân loại. Người đến trong vị thế đầy tớ để nhận lãnh những lo lắng, sợ hãi, bấp bênh như chúng ta để an ủi và phục vụ chúng ta.

Đôi khi chúng ta trách người khác: "Anh chưa từng bị đau khổ như tôi, anh không thể hiểu được hoàn cảnh của tôi". Khi bày tỏ như vậy, chúng ta chỉ muốn nghe lời an ủi của người có cùng cảnh ngộ với mình. Để an ủi chúng ta, Đức Giêsu đã chịu toàn vẹn nỗi khốn khó của chúng ta. Cái giá Người phải trả để ở với chúng ta là phó mình cho những thế lực vùi dập. Lòng nhân từ của Thiên Chúa đã khiến Người tự làm trống rỗng chính mình. Đức Giêsu không chỉ trở thành một người phạm, nhưng tồi tệ hơn, còn là một người bị phản bội và bị loại bỏ. Người chịu sâu thẳm, đớn đau, bị tra tấn, bị đổ máu và lãnh một án tử hình tàn ác nhất mà chính chúng ta cũng không muốn mắc phải. Thật dễ hiểu khi có người tốt

bụng muốn an ủi chúng ta, nhưng không thể hiểu chỉ vì muốn an ủi người ấy lại bằng lòng chịu đau đớn với chúng ta, điều mà ai cũng né tránh. Vì vậy, lời an ủi của Đức Giêsu là sự bình an và niềm hy vọng thật sự cho đời sống mới của chúng ta.

Chúng ta quen với khuynh hướng thăng tiến như tăng lương, lên chức, đời sống phát đạt. Nhưng Đức Giêsu lại giảm lùi từ cao xuống thấp. Điều đó có vẻ nghịch lý nhưng lòng nhân từ của Thiên Chúa là như vậy. Người từ Ngôi Vị tối cao xuống thế không phải để thống trị, nhưng để phục vụ như người tôi tớ. Người đi từ cao xuống tận đáy vực để sống với những kẻ bất hạnh bị loại bỏ, trong xó xỉnh bị lãng quên của thế giới. Lòng nhân từ, qua phận tôi tớ của Đức Giêsu, chính là tự-thân-mạc-khải của Thiên Chúa (God's self-revelation). Người cũng muốn chúng ta phục vụ tha nhân như vậy. Người muốn chúng ta bỏ chiếm đoạt để làm đầy tớ phục vụ, bỏ giàu sang vật chất để lấy cái nghèo, từ chối hoan lạc để xin đau khổ, từ bỏ sống dục vọng để đón nhận sự chết. Đến đây, chúng ta hiểu rõ hơn câu nói của Thánh Phaolô: "Tôi sung sướng bị đau khổ vì anh em, như tôi đang đau khổ. Tôi bù đắp cho những gì chưa đủ từ cuộc khổ nạn của Đức Kitô, tức Giáo Hội" (Cl 1,24).

Với nhân sinh quan như thế, người ngoại đạo có thể ngộ nhận cho chúng ta là những kẻ ngớ ngẩn. Ý tưởng bỏ sung túc để nhận bất hạnh trái với bản năng tranh đấu cầu tiến của con người. Chính vì thế, ý niệm phận tôi tớ chỉ có thể hiểu trọn vẹn, khi ta nhìn ra động lực chính của nó là tinh thần phục vụ trong nhân từ. Với hướng nhìn ấy ta mới thấy Thiên Chúa. Khi Đức Giêsu nói: "Phúc cho ai than khóc" không phải than khóc là phúc, nhưng phúc ở chỗ họ "sẽ được an ủi". Thiên Chúa là nguồn an ủi của họ. Ai an ủi người than khóc cũng sẽ nhìn thấy Thiên Chúa. Với hướng nhìn ấy, chúng ta sẽ thấy các nữ tu giúp đỡ người nghèo đói, không phải vì họ có tham vọng muốn thay đổi xã hội. Họ chỉ muốn phục vụ người nghèo. Nếu giúp người vì muốn họ khá hơn, ta sẽ có óc so sánh và cạnh tranh giữa ta và họ. Rồi ta sẽ ngừng giúp đỡ vào một thời điểm nào đó. Nếu giúp đỡ chỉ cốt phục vụ với lòng nhân từ, sự phục vụ sẽ không có giới hạn và thời hạn.

Chúng ta không bỏ sung túc để tìm kiếm bất hạnh, nhưng để tìm lòng nhân từ mà Thiên Chúa đặt trong lòng chúng ta. Sau cuộc tử nạn, Đức Giêsu đã sống lại trong vinh hiển. "Trên trời dưới đất và trong nơi âm phủ phải quỳ gối khi nghe danh xưng Giêsu" (Pl 2,9-11). Đức Giêsu phục sinh vinh hiển đã thánh hoá mọi người hy sinh giữ phận tôi tớ, biểu lộ lòng nhân từ, trở nên vinh hiển. Vì ai chia sẻ sự đau khổ với Đức Kitô thì cũng chia sẻ vinh hiển với Người (x. Rm 8,17-18).

Thiên Chúa vâng lời

Thiên Chúa có lòng nhân từ vì Người bỏ địa vị Thiên Chúa xuống chia sẻ đau khổ và phục vụ chúng ta như một đầy tớ, nhưng còn là một đầy tớ sống trong đức vâng lời. Nếu chúng ta chưa nhìn ra chiều sâu của đức vâng lời thì chúng ta chưa thể nhìn ra chiều sâu của lòng nhân từ Thiên Chúa.

Thông thường, khi chúng ta động lòng muốn giúp đỡ kẻ khốn cùng, chúng ta hoàn toàn tự do kiểm soát lịch trình, khả năng và cách thức giúp đỡ. Chẳng hạn muốn đến một nơi xa lạ, chúng ta tính trước quỹ trong nhà băng, kế hoạch làm việc, thời hạn công tác... Đức Giêsu thì trái lại, đến một nơi được sai đi nhưng tuyệt đối không tính toán. Người chỉ biết vâng lời Đấng đã sai mình, bởi vì lòng nhân từ của Đức Giêsu gắn liền với đức vâng lời.

Người ta thường có cảm nhận xấu về ý niệm vâng lời. Bởi vì có một khoảng cách biệt rất lớn giữa người ra lệnh và kẻ tuân lệnh. Địa vị của kẻ vâng lời hàm chứa một diện thấp kém nào đó. Kẻ bên dưới chưa đủ kiến thức nhìn ra ích lợi của kế hoạch, nên tốt hơn hãy vâng lời. Hoặc ta miễn cưỡng vâng lời, dù nghịch với ý muốn, vì người ra lệnh là người có uy quyền. Cả hai trường hợp trên đều không có nơi sự vâng lời của Đức Giêsu. Đức Giêsu vâng lời vì yêu mến lời gọi của Cha. Đức Giêsu gọi Thiên Chúa là Abba và Thiên Chúa gọi Đức Giêsu là "Con Yêu Dấu" (x. Mt 3,17; 17,5). Trong vâng lời của Đức Giêsu không có sợ hãi, không xa cách, không nghi ngờ, không do dự, không điều kiện, không giới hạn, nhưng tràn đầy yêu thương "Abba". Nhìn vào cuộc sống và lời nói của Đức Giêsu, người ta có thể nói toàn thể phục vụ của Người là làm đẹp lòng Cha. Lời đầu tiên của Người trong đền thờ là: "Cha mẹ không biết con phải lo việc cho Cha của con sao" (Lc 2,49). Lời cuối cùng của Người là: "Con xin phó linh hồn con trong tay Cha" (Lc 23,46). Trong cuộc sống phục vụ, Người luôn luôn xác định: "Ta không thể tự mình làm điều gì... Ta không tìm ý riêng ta, nhưng là ý của Đấng đã sai Ta" (Ga 5,30). Người cũng nói: "Những lời Ta nói với các người không phải từ Ta, nhưng từ Cha, Đấng sống trong Ta đã nói" (Ga 14,10).

Đến đây, chúng ta sẽ không còn ngạc nhiên khi Thánh Phaolô cho rằng vâng lời là nguồn mạnh ơn cứu độ của Đức Giêsu. Thánh nhân viết: "Bởi một người không vâng lời mà mọi người mắc tội, cũng thế, bởi một Người vâng lời mà nhiều người được nên công chính" (Rm 5,19). Vậy lòng nhân từ của Thiên Chúa không phải chỉ là phục vụ trong phạm tội tổ nhưng còn là phục vụ trong vâng lời Chúa Cha. Đức Giêsu không tự hành động như một vị anh hùng, một nhà xã hội lỗi lạc, một vị thần y, hay một nhà trợ lực siêu đẳng. Người cũng không phải là một giáo chủ thần thánh giữ một địa vị tối cao để tín đồ chiêm ngưỡng và bái phục. Đức Giêsu chỉ là một người phục vụ trong thế tội tổ. Người lắng nghe lời gọi và nhiệt tình trả lời không sợ hãi dù phải chịu đau khổ và tử nạn. Nhiệt tình này không phải vì muốn có kinh nghiệm đau khổ nhưng vì chú tâm vào tiếng gọi của Cha yêu dấu. Khi chúng ta suy

niệm điều này, chúng ta nhận ra phận tội trong vâng lời biểu lộ trọn vẹn lòng nhân từ của Thiên Chúa. Từ đó, lời của Đức Giêsu trở thành thánh ngôn uy quyền, vì được nói trong sự vâng lời Chúa Cha. Cái chết của người trở thành thánh tử cứu độ, vì người chấp nhận tử nạn trong vâng lời Chúa Cha.

Kitô hữu đã có thời bị hiểu lầm là những người đam mê khổ hạnh. Nhưng chính nhiều Kitô hữu cũng đã có khuynh hướng giải thích đau khổ như là ý muốn của Thiên Chúa. Ít ra họ đã an ủi nhau: "Chúa đã định như vậy...". Nhiều Kitô hữu cũng đã có thời nghĩ rằng càng đau khổ sâu đậm thì càng có phúc vì làm đẹp lòng Chúa, nên họ cố tạo ra những đau khổ để chịu đựng. Đó là một quan niệm rất sai lầm. Ý Thiên Chúa là muốn chúng ta có hạnh phúc không phải đau khổ, có hoà bình không phải chiến tranh... Triết gia Nietzsche có lẽ đã có lời chỉ trích thích đáng nhất: "Trong nội tâm của người Kitô giáo có một bản năng bệnh hoạn là thù ghét sự lành mạnh. Họ ghét lành mạnh chỉ vì nó lành mạnh" [3]. Lời phê bình này phần nào đã cảnh tỉnh chúng ta về cách nhìn hạn hẹp vào cuộc Khổ nạn của Đức Giêsu. Chúa Cha không phái Ngôi Con xuống thế chịu đau khổ để được sống lại, rồi về ngự bên hữu Ngài. Đức Giêsu vâng lời chịu hy sinh tử nạn vì yêu nhân loại và yêu Cha. Hành trình của Người là hành trình của tình yêu. Vì vậy, thay vì tuyên bố mọi đau khổ do ý Chúa, chúng ta phải tự kiểm tra để thấy mọi bất hạnh đều do con người gây ra. Đồng thời, chúng ta cũng phải tự tìm ra trong mỗi đau khổ đều hiện diện lòng nhân từ của Thiên Chúa. Ý thức này giúp chúng ta lãnh nhận đau khổ với một chiều hướng mới. Chúng ta nhìn đau khổ thế gian với rung động của lòng nhân từ, khiến chúng ta có thể hiến thân cho tha nhân. Có lẽ nào ta muốn sống sung túc, hạnh phúc, nhưng bỏ lơ những kẻ khốn khổ, rồi lên thiên đàng một mình. Vì vậy, câu hỏi không phải là "Làm sao ta có thể đau khổ sâu đậm nhất cho Chúa?" nhưng là "Làm sao ta lắng nghe Chúa cách sâu đậm nhất?" Vì yêu Thiên Chúa, chúng ta đến với người đau khổ để chia sẻ, an ủi và phục vụ. Rồi khi chính chúng ta gặp cảnh hoạn nạn, chúng ta chấp nhận đau khổ không phải vì bản tính đam mê đau khổ, nhưng vì nó là một phần của đời sống phục vụ.

Trong thế giới đầy sự dữ, có thể hiểu được khi chúng ta đắn đo nếu phải dấn thân vào nơi đau khổ mà mình chỉ biết do nghe nói tới. Chúng ta lo sợ vì không biết những gì sẽ xảy ra trong cõi tương lai mờ ảo. Tâm trí chúng ta tối lại và mọi sinh hoạt bị tê liệt. Dĩ nhiên, chúng ta không thể cuồng nhiệt đòi hỏi những đau khổ quá khả năng chịu đựng của mình. Nhưng vấn đề là lo sợ, dù nhiều hay ít, đã chia rẽ chúng ta với những người hoạn nạn. Chúng ta trở nên xa cách và không thể nghe thấy tiếng Chúa gọi. Nếu chúng ta nhân từ trong vâng lời, như Đức Giêsu, tình yêu sẽ làm tan biến sự sợ hãi. Chúng ta đi trong tình yêu Thiên Chúa chứ không đi trong sợ hãi. Tình yêu này giúp chúng ta phục vụ anh chị em trong vui mừng, tri ân, nơi cõi thế gian mù mịt.

Đỗ Trân Duy lược dịch

---

[1] Lm. Henri Nouwen là Giáo sư Thần học tại các Đại học Notre Dame, Yale và Harvard. Từ khi qua đời (1996), số độc giả tìm đọc tư tưởng hướng dẫn tâm linh của Cha càng ngày càng tăng. Lm. Donald McNeill, Giáo sư Thần học của Đại học Notre Dame trong 30 năm, hiện đang về hưu. Lm. Douglas A. Morrison, thuộc Giáo phận Hartford, đã từng là Cha sở, Cha tuyên úy trong bệnh viện, Giáo sư Đại học. Hiện tại, Cha giữ chức Giám đốc của Unity Health Care, Inc., là Trung tâm Cung cấp mọi Dịch vụ cho Người Vô gia cư ở Washington, D.C.

[2] Peregrine Worsthorne, "A Universe of Hospital Patients. Further Remarks on the Condition", Tạp chí Harpers, số 251, năm 1975, tr. 38.

[3] Friedrich Nietzsche, "The Anti-Christ", Chương 5, tr. 51. Phiên dịch bởi Walter Kaufmann, Nhà Xuất bản The Viking Press, New York, 1954.